TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-3-2022
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Trang Phượng;

Ông Võ Minh Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 6 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Thanh P có thời giam tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo P tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Lý do xin ly hôn: Lúc đầu hôn nhân hạnh phúc. Đến năm 2012, vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh P.

- Về nuôi con: Có một người con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07/10/2011 (nam), hiện nay N đang sống với ông P. Khi ly hôn, con theo ai thì người đó nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nợ thu và nợ trả: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh P:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông P không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà L yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, việc cấp dưỡng, về tài sản và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Nguyễn Thanh P vẫn vắng mặt 02 lần không có lý do.

Tại phiên tòa:

Bà L và ông P đều vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Lê Thị L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh P, yêu cầu về nuôi con, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do ông P cư trú tại ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Lê Thị L có đơn xin vắng mặt vì đang bận công việc, điều kiện dịch bệnh phức tạp nên xin vắng mặt các phiên hòa giải, xét xử, yêu cầu này của bà L là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ (02 lần) nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên căn cứ khoản 2 Điêu 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông P.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Thanh P có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2010, hôn nhân có tổ chức đám cưới gã theo P tục tập quán địa phương và lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Trích lục kết hôn số: 865/TLKH-BS ngày 11/6/2021, thể hiện bà L và ông P đăng ký kết hôn ngày 28/12/2010, số 82.Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị L và ông Nguyễn Thanh P được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà L cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và vợ chồng ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Quá trình ly thân, vợ chồng không hàn gắn được hôn nhân nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Thanh P. Tòa án đã triệu tập ông P nhiều lần nhưng ông vắng mặt không lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà L cho thấy ông P không thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa các

đương sự đã đến mức trầm trọng, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị L đối với ông Nguyễn Thanh P theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Có một người con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07/10/2011 (nam), hiện nay N đang sống với ông P. Khi ly hôn, bà L yêu cầu con theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Ông P không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi hai đương sự sống ly thân cho đến nay, cháu Nguyễn Thanh N có cuộc sống ổn định với ông P, yêu cầu của bà L phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao Nguyễn Thanh N cho ông Nguyễn Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản, nợ thu và nợ trả: Các đương không yêu cầu Tòa án giải quyết,căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà L được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều147, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị L ly hôn đối với ông Nguyễn Thanh P.

- Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07/10/2011 (nam) cho ông Nguyễn Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản, nợ thu và nợ trả: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà L được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí

300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007721 ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền